TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2025/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1595/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Ngô Hoàng V, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: Khu phố Ph, thị trấn Phú T, huyện T, tỉnh P; địa chỉ liên lạc: Số đường Dương Quảng H, phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Huỳnh Thị Phương M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số đường Quang T, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Ngô Hoàng V và bà Huỳnh Thị Phương M là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014 quyển số 01/2013 ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã Tân Đ, huyện T, tỉnh L.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 02/12/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/01/2025, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông V và bà M thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc chia hoặc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Hoàng V và bà Huỳnh Thị Phương M thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/2014 quyển số 01/2013 ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung

1. Ngô Huỳnh D, sinh ngày 24/9/2014;

2. Ngô Huỳnh Quang K, sinh ngày 27/12/2021.

Bà My là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Ngô Huỳnh D và Ngô Huỳnh Quang K. Ông V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/trẻ, thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 01/2025 cho đến khi 02 trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ôngV chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông V và bà M phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0056932 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V và bà M đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND xã T, huyện T, Tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN
(đã ký)

Hoàng Thị Chinh